TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Hoàng Văn Ngọc

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:61/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Xuân H1, sinh năm 1976
- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H2, sinh năm 1979

Đều có địa chỉ: Khu dân cư Ph, phường Th, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Anh H1, chị H2 đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Xuân H1 trình bày: Anh H1 và chị Ngô Thị H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Kinh Môn (nay là UBND phường Th, thị xã Kinh Môn) tỉnh Hải Dương vào ngày 05 tháng 3 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách trái ngược, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2005 chị H2 bỏ đi miền Nam 6 tháng mới về, kể từ đó tình cảm giữa anh H1 và chị H2 bị dạn nứt, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể giàn xếp được, cuối năm 2014 đầu năm 2015 anh và chị H2 đã tự sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm, trách nhiệm không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H2.

Chị Ngô Thị H2 trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Xuân H1 trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường Th vào ngày 05 tháng 3 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh H1 có quan hệ chơi bời trai gái, không quan tâm trách nhiệm với gia đình vợ con. Nên kể từ năm 2015 cho đến nay, mọi quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H1 đã hoàn toàn bị cắt đứt. Nay tình cảm và trách nhiệm giữa đôi bên thực sự không còn nên chị không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải thêm để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, chị nhất trí ly hôn cùng anh H1. Tuy nhiên để chị thuận tình ly hôn, thì anh H1 phải thỏa thuận phân chia tài sản chung, trường hợp không tự thỏa thuận được thì anh H1 phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

Về con chung: Anh H1 và chị H2 có hai con chung là cháu Lê Khánh Linh, sinh ngày 27/02/2005 và cháu Lê Việt Hoàng, sinh ngày 14/7/2011. Hiện cháu Linh đã đủ tuổi trưởng thành, anh H1 và chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hoàng, chị H2 xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị đối với cháu Hoàng từ 4.000.000 đến 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh H1 không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Nguyện vọng của cháu Hoàng xin được ở cùng chị H2.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Anh H1 và chị H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường Th cung cấp: Anh H1 và chị H2 đăng ký kết hôn tại UBND phường Th. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện anh chị tự sống ly thân. Nay anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, về quan hệ vợ chồng: anh H1 và chị H2 vẫn giữ nguyên quan điểm đã nêu. Về con chung: anh H1 nhất trí giao cháu Hoàng cho chị H2 nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị H2 nhất trí. Về tài sản chung, riêng, vay nợ: anh H1 và chị H2 vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân H1, xử cho anh Lê Xuân H1 được ly hôn với chị Ngô Thị H2.

- *Về con chung:* Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 và chị H2 giao cháu Lê Việt Hoàng, sinh ngày 14/7/2011 cho chị H2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Đối với cháu Lê Khánh Linh, sinh ngày 27/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ:* Không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Lê Xuân H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của anh Lê Xuân H1 đối với chị Ngô Thị H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư Ph, phường Th, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình nêu trên là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân H1 kết hôn với chị Ngô Thị H2 trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh H1 đề nghị xin ly hôn chị H2, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có sự chia sẻ, niềm tin và trách nhiệm cùng nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Xét quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh H1 giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị H2 đồng ý, nhưng với điều kiện anh H1 phải thỏa thuận phân chia tài sản chung, trường hợp không tự thỏa thuận được thì anh H1 phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét tình cảm giữa đôi bên thực sự không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, lý do không đồng thuận ly hôn của chị H2 không là căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H1. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Lê Xuân H1 được ly hôn chị Ngô Thị H2 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh H1 và chị H2 có hai con chung là cháu Lê Khánh Linh, sinh ngày 27/02/2005 và cháu Lê Việt Hoàng, sinh ngày 14/7/2011. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên cần chấp nhận, giao cháu Hoàng cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tính ổn định, sự tự nguyện của các bên là phù hợp.

Đối với cháu Lê Khánh Linh, sinh ngày 27/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét sự tự nguyện của các bên tại phiên tòa, nên chấp nhận anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 đối với cháu Hoàng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Kể từ ngày chị H2 có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh H1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Anh H1 và chị H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân H1.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Xuân H1 và chị Ngô Thị H2.

2.Về con chung: Giao con chung cháu Lê Việt Hoàng, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Ngô Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Lê Khánh Linh, sinh ngày 27/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Xuân H1 và chị Ngô Thị H2, anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Hoàng đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Kể từ ngày chị H2 có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh H1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Anh Lê Xuân H1 phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002666 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh H1 còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Xuân H1 và chị Ngô Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Th;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền